

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Trang

2. Bà Ngô Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, địa chỉ: Thôn Phước Đ, xã Đức P, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng N

- Bị đơn: Chị Bùi Thị Kim N, địa chỉ: Thôn Phước L, xã Đức P, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng N.

Anh T vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Chị N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2022, bản tự khai ngày 21/4/2022, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh và chị Bùi Thị Kim N kết hôn vào 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Sau đó chị Ngoan bỏ nhà đi từ năm 2015 cho đến nay không có liên lạc gì với anh. Anh đã làm thủ tục tuyên bố chị N mất tích nhưng cho đến nay vẫn không có tin tức gì về chị N. Nay anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức cho anh được ly hôn chị Bùi Thị Kim N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung tên Nguyễn Diệu M, sinh ngày 13/8/2008. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị Ngoan cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Chị Bùi Thị Kim N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như gửi văn bản trình bày ý kiến của mình.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không tham gia quá trình giải quyết vụ án nên vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Bùi Thị Kim N.

+ Giao con chung tên Nguyễn Diệu M, sinh ngày 13/8/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị Ngoan cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có đơn

xin vắng mặt. Bị đơn chị Bùi Thị Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Kim N kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, quan hệ hôn nhân anh T và chị N là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa anh T và chị N có xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2015, chị N đã bỏ nhà đi cho đến nay không có tin tức gì. Theo quyết định số 05/2022/QĐST-DS ngày 04/3/2022 về việc Tuyên bố một người mất tích thì Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức đã tuyên bố chị Bùi Thị Kim N mất tích; qua quá trình làm việc với Công an xã Đức Phú đã xác định chị Ngoan không có mặt ở địa phương. Khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ *Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn*”. Do đó anh Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn chị Bùi Thị Kim N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Anh Nguyễn Văn Tân và chị Bùi Thị Kim N có 01 con chung tên Nguyễn Diệu M, sinh ngày 13/8/2008. Theo lời trình bày của cháu M thì cháu mong muốn được ở với mẹ, tuy nhiên hiện nay chị N đã mất tích, do đó cần giao con chung cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị Bùi Thị Kim N cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Bùi Thị Kim N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Diệu M, sinh ngày 13/8/2008 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không yêu cầu chị Ngoan cấp dưỡng cho con.

Chị Bùi Thị Kim N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002325 ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đức Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Vương